



KIỀU THANH QUẾ VỚI CÁC TRƯỜNG PHÁI PHÊ BÌNH VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY

*Trần Thị Mỹ Hiền**

*Bộ môn Sư phạm Ngữ văn – Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Thủ Dầu Một
Ngày nhận bài: 04-10-2018; ngày nhận bài sửa: 01-11-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018*

TÓM TẮT

Kiều Thanh Quế là một cây bút phê bình văn học thuộc giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Ông đóng góp rất lớn trong việc xây dựng bộ môn lí luận phê bình Việt Nam trong những ngày đầu hình thành và phát triển. Bài viết sơ lược giới thiệu về Kiều Thanh Quế cùng những đóng góp của ông trong việc tiếp nhận và giới thiệu lí thuyết các trường phái phê bình văn học phương Tây ở Việt Nam giai đoạn 1940-1945.

Từ khóa: Kiều Thanh Quế, lí luận phê bình, phê bình văn học.

ABSTRACT

Kieu Thanh Que with schools of Western literary criticism

Kieu Thanh Que was a literary critic of the first half of the twentieth century. He contributed greatly to building the critical theory of Vietnam in the early days of formation and development. This essay will briefly introduce Kieu Thanh Que and his contributions to the acceptance and introduction of the theory of Western literary criticism in Vietnam in the period 1940-1945.

Keywords: Kieu Thanh Que, critical theory, literary criticism.

1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp nghiên cứu, phê bình của Kiều Thanh Quế

Kiều Thanh Quế (1914-1948) là một nhà nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Ông sinh ra, lớn lên tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Thuở nhỏ, Kiều Thanh Quế học tại Bà Rịa, sau đó lên Sài Gòn học ở trường Pétrus Kí. Sau khi lấy bằng thành chung ông dạy học ở trường trung học Nguyễn Văn Khê nhưng chỉ được hai năm thì xin nghỉ. Là người có tinh thần đấu tranh cách mạng, ông tham gia các tổ chức yêu nước và viết bài đăng trên báo. Một lần ông tấn công một người Ấn có quốc tịch Pháp thu thuế ở chợ Lương Điền, ông bị Pháp bắt quản thúc tại Bà Rịa (1939) sau chuyển về Cần Thơ (1940). Đến cuối năm 1942, hết hạn quản thúc, ông về Sài Gòn dạy học tại trường Nguyễn Văn Khuê, tiếp tục viết báo về văn học và tích cực tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1948, ông hi sinh tại quê nhà. Sự ra đi đột ngột trong khi sức làm việc còn sung mãn khiến Kiều Thanh Quế chưa kịp hoàn thành ước nguyện văn chương của mình.

Tuy cuộc đời ngắn ngủi nhưng Kiều Thanh Quế đã kịp để lại những đóng góp giá trị cho nền phê bình văn học Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Bước vào sự nghiệp cầm

* Email: nguyenhau_1134@yahoo.com

bút bằng hai tác phẩm tiêu thuyết đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* với bút hiệu Quế Lang, sáng tác của Kiều Thanh Quế đã kịp thời phản ánh những hiện tượng đang dấy lên trong đời sống văn chương lúc bấy giờ, đó là vấn đề lí tưởng tuổi trẻ và vấn đề tình dục. Tuy nhiên, cuộc thử nghiệm đó đã không mang lại tiếng vang, ông quyết tâm bước hẳn sang lĩnh vực khảo cứu và phê bình. Những bài nghiên cứu, phê bình văn học đầu tiên của ông đăng trên báo *Mai* của Đào Trinh Nhất (1935-1939) và *Văn Lang tuần báo* (1940) của Huỳnh Văn Đơn. Sau năm 1942, ông còn tham gia *Nam Kỳ tuần báo* và *Đại Việt tạp chí*. Nhưng có lẽ, đóng góp nổi bật nhất của Kiều Thanh Quế là trên *Tri Tân* Tạp chí. Tính riêng ở tạp chí này, theo thống kê ban đầu của chúng tôi, ông đã tham gia với 41 bài phê bình bàn về nhiều vấn đề khác nhau. Về sách nghiên cứu, ông có *Ba mươi năm văn học* (bút danh Mộc Khuê) (1941), *Phê bình văn học* (bút danh Kiều Thanh Quế) (1942), *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (bút danh Kiều Thanh Quế – 1943), *Thi hào Tagore* (bút danh Nguyễn Văn Hai – 1943), *Đàn bà và nhà văn* (bút danh Kiều Thanh Quế – 1943), *Học thuyết Freud* (bút danh Tô Kiều Phương – 1943). Ngoài ra ông còn có sách *Nam-mô A-di-đà Phật* (1941) là một tập truyện cổ nước Nhật được ông dịch từ bản Pháp văn của F. Challaye, sách *Một ngày của Tolstoy* (1942) là một truyện kí danh nhân chưa rõ ông dịch từ văn bản nào. Trong một bài viết của Nguyễn Mẫn, nhà nghiên cứu này có nêu tên hai tác phẩm được Kiều Thanh Quế viết để xuất bản năm 1945, đó là: *Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa xã hội tả thiệt* và cuốn *Cuộc vận động cứu nước trong “Việt Nam vong quốc sử”*. Tuy nhiên, trong những tháng ngày lịch sử sôi động trước và sau Cách mạng tháng Tám, không biết Kiều Thanh Quế có thực hiện được dự định của mình không, vì sau khi ông mất cho đến nay, trong mọi nỗ lực có thể, chúng tôi vẫn chưa tiếp cận được hai tác phẩm này.

Có thể nói, sự nghiệp văn học của Kiều Thanh Quế được xếp vào loại đa dạng nhất trong số các cây bút nghiên cứu, phê bình giai đoạn 1932-1945. Ông hoạt động trong mảng sáng tác, dịch thuật, nghiên cứu lí luận và làm phê bình văn học. “Kiều Thanh Quế tạo nên một vùng quang phổ rộng, đi từ văn học dân gian đến trung đại và hiện đại, từ thơ ca đến văn xuôi và kịch, từ vấn đề tác giả đến tác phẩm và bạn đọc... Lướt qua các thể ca dao, thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, tiểu thuyết, Kiều Thanh Quế nhấn mạnh đến tính đại chúng của văn học từ văn học dân gian đến tiểu thuyết hiện đại” (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 10). Về văn học sử, ông là người có công quan sát, tiếp nhận và bắt kịp các bước đi của văn học Việt Nam trong khoảng mấy mươi năm (giai đoạn sau) của văn học nửa đầu thế kỉ XX. Ngòi bút ấy vừa phê bình thơ, phê bình tiểu thuyết, phê bình tác phẩm dịch, phê bình nhà văn và phê bình cả sách lí luận phê bình. Ông nắm bắt các tín hiệu của lí thuyết văn học nước ngoài từ phê bình cổ điển đến phê bình hiện đại (gồm các trường phái phê bình tiểu sử, phê bình văn hóa – lịch sử, phê bình giáo khoa, phê bình xã hội học Marxist, phê bình ấn tượng, phê bình phân tâm học...). Những tác phẩm phê bình đăng trên báo chí thời ấy đã cho thấy sự nhạy bén và hữu tâm của tác giả đối với đời sống phê bình. Về phê bình tác phẩm, ông có các bài phê bình: “*Bi vô* của Nguyên Hồng”, “*Làm dĩ* của Vũ Trọng Phụng”, “*Phê bình Nắng đào*”, “*Phê bình Lều chõng*”, “*Phê*

bình *Triết học Bergson* của Lê Chí Thiệp”, “Phê bình *Bóng mơ* – tiểu thuyết của Bà Tú Hoa”, “Phê bình *Chân trời cũ* – tập truyện của Hồ Dzếnh”, “*Độc Quê người* – tiểu thuyết của Tô Hoài”, “Thi sĩ Lưu Trọng Lư với *Tiếng thu*”... Về phê bình sách, ông có: “Phê bình *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan”, “Phê bình *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân”, “Phê bình *Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mại”, “Phê bình *Luận từng I*”... Ngoài ra, ông còn có những bài nghiên cứu ngắn như “Phê bình với văn học sử”, “Hương xa”, “Câu chuyện con số trong thơ và nhạc trong thi ca”, “Xét đình sử liệu”, “Văn học Nam Kỳ 1943”, “Ca dao – một yếu tố của đại chúng văn học”, “Đại chúng văn học”, “Cuộc tiến hóa văn học châu Âu”, “Mấy lời phê bình văn học”... Không chỉ đứng ra dịch thuật với mục đích “đẫn gió bốn phương vào đô thành văn học Việt Nam”, Kiều Thanh Quế còn có những bài viết thể hiện quan điểm về dịch thuật văn học trong các bài: “Giá trị một bản dịch”, “Quan niệm dịch thơ”, “Phiên dịch cũng là cách đào luyện văn chương”, “Cảm tưởng và hi vọng đối với sách biên dịch ở xứ ta”. Bắt đầu viết phê bình đăng báo từ năm 1938 cho đến khi mất năm 1948 (chưa kể những khoảng thời gian ông tham gia hoạt động cách mạng bị thực dân Pháp bắt và quản thúc), trong vòng chưa đầy 10 năm với ngàn ấy công trình và tác phẩm đã cho thấy sức làm việc sung mãn cũng như tài năng của tác giả này. Chính vì vậy mà nhà nghiên cứu Đoàn Lê Giang cho rằng: “Kiều Thanh Quế có thể coi như nhà phê bình chuyên nghiệp duy nhất của văn học Nam Bộ” (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 3).

2. Sự tiếp nhận và giới thiệu các trường phái phê bình văn học phương Tây của Kiều Thanh Quế

2.1. Điều kiện thuận lợi cho sự tiếp nhận lí thuyết các trường phái phê bình văn học phương Tây của Kiều Thanh Quế

Giống như các cây bút phê bình văn học giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX, Kiều Thanh Quế có những điều kiện thuận lợi để tiếp thu các trường phái phê bình văn học phương Tây. Sự thuận lợi đó không đơn thuần xuất phát từ sự may mắn ngẫu nhiên, hoặc là sự thuận lợi xét về thời thế khách quan mà theo chúng tôi, đó còn bắt nguồn từ ý thức cá nhân của tác giả.

Xét về sự vận động của nền văn học có thể thấy rằng, ngay từ đầu thế kỉ XX, chữ Quốc ngữ đã được sử dụng phổ biến trong các văn bản hành chính cũng như trong đời sống báo chí và văn học. Nó không chỉ là một loại hình ngôn ngữ giúp diễn đạt tốt tâm tư tình cảm cũng như muôn mặt đời sống của người Việt mà còn tỏ ra rất hiệu quả trong việc chuyển tải văn hóa, văn học phương Tây vào Việt Nam. Khi học tại các trường Pháp – Việt, các trí thức tân học ở Việt Nam đã có điều kiện tiếp xúc trực tiếp tri thức văn hóa, tư tưởng phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp. Từ đó, họ đã chịu ảnh hưởng khá sâu sắc những tư tưởng mới về văn học, triết học và xã hội của Tây phương. Trong số các trí thức ấy, một bộ phận đã đi vào con đường sáng tác và nghiên cứu văn học (lúc này hoạt động văn học đã trở thành một nghề, các nhà văn có thể kiếm sống bằng ngòi bút), trở thành một đội ngũ sáng tác và nghiên cứu chuyên nghiệp. Họ đã vận dụng những kiến thức về tư

tưởng, văn học của các nước phương Tây, đặc biệt là Pháp vào trong lĩnh vực sáng tác và phê bình. Bằng thiên hướng cá nhân, mỗi người họ đã tự chọn cho mình một khuynh hướng lí thuyết văn học phương Tây để đào sâu và tiếp nhận.

Do được tiếp thu tại nguồn một cách hệ thống các lí thuyết về trường phái phê bình văn học phương Tây nên các nhà nghiên cứu giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc áp dụng vào nghiên cứu, phê bình chứ không có chủ tâm dịch thuật để giới thiệu một cách trọn vẹn các lí thuyết nghiên cứu văn học này. Thông qua các công trình nghiên cứu riêng lẻ của từng tác giả, người đọc sẽ nhận diện được lí thuyết về trường phái phê bình mà họ áp dụng, cũng như góp nhặt được các kiến thức lí thuyết về trường phái ấy. Ngoài con đường học tập trên ghế nhà trường, các thanh niên trí thức thời ấy còn có thể tiếp nhận bằng quá trình tự học của mỗi cá nhân qua sách vở hoặc các cuộc tranh luận văn học trên báo chí. Riêng về các cuộc tranh luận, thì đó là một hoạt động văn học sôi nổi, diễn ra trong nhiều năm, có đóng góp không nhỏ trong việc tạo nên sự sôi động cho đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam lúc bấy giờ. Thông qua các cuộc tranh luận như “nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh” của hai nhóm tác giả mà đại diện tiêu biểu là Hoài Thanh và Hải Triều, độc giả sẽ biết được lí thuyết của trường phái phê bình ấn tượng hay còn gọi là phê bình trực cảm trong các bài viết của Hoài Thanh cũng như những điểm cơ bản của trường phái phê bình xã hội học Marxist mà vị chủ soái của nó ở Việt Nam là Hải Triều. Hoặc thông qua cuộc tranh luận “dâm hay không dâm trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng”, người đọc sẽ biết đến lí thuyết của chủ nghĩa tự nhiên và phần nào là lí thuyết của trường phái phê bình phân tâm học. Cùng với các cuộc tranh luận là sự ra đời của các cuốn sách nghiên cứu văn học thể hiện khuynh hướng của mỗi nhà phê bình, nổi bật là Hoài Thanh, Hải Triều, Trần Thanh Mại, Trương Tửu – Nguyễn Bách Khoa, Vũ Ngọc Phan, Đặng Thai Mai... Gắn với tên tuổi đó là các trường phái: phê bình ấn tượng, phê bình xã hội học Marxist, phê bình tiểu sử, phê bình văn hóa – lịch sử, phê bình giáo khoa...

Về phía cá nhân, Kiều Thanh Quế cũng có một số lợi thế nhất định trong việc tiếp thu các lí thuyết văn học nước ngoài. Từ lúc sinh ra, trưởng thành tại mảnh đất Nam Bộ cho đến khi được học ở Sài Gòn, tinh thần ông được nuôi dưỡng trong một môi trường văn hóa khá thuận lợi cho việc tiếp thu các tư tưởng mới mẻ. Khi bắt đầu hoạt động văn học, ông lại ở vào chặng thứ hai trong sự phát triển của tiến trình văn học nửa đầu thế kỉ. Vì thế ông có điều kiện tiếp thu tất cả những thành tựu mà giai đoạn trước để lại. Là thế hệ sinh ra sau, được thụ hưởng nền giáo dục phương Tây, nhuần nhuyễn tiếng Pháp, Kiều Thanh Quế còn tự học thêm chữ Hán để bổ sung nền tảng kiến văn cho ngòi bút phê bình của mình. Là người Nam Bộ, ông có sự cởi mở nhất định trong khi tiếp nhận các tư tưởng mới. Nếu như các cây bút phê bình lúc bấy giờ mỗi người chọn cho mình một khuynh hướng, một tư tưởng học thuật tiếp thu và thực hành phê bình thì Kiều Thanh Quế lại không ấn định cho ngòi bút phê bình của mình một phương pháp nào. Ta thấy ở ông một diễn trình tiếp nhận khá đều đặn các trường phái phê bình văn học phương Tây lúc bấy giờ. Và bởi được thừa

hưởng thành quả của các nhà nghiên cứu đi trước nên các công trình của ông sau này có phần tập trung và hệ thống hơn. Nó không còn dừng lại ở công đoạn trích dịch các lí thuyết mà Kiều Thanh Quế đã có cách diễn đạt riêng bằng văn phong và ngôn ngữ của mình. Ông đã có công trong việc hệ thống các lí thuyết nghiên cứu văn học, trình bày một cách sáng rõ và phổ quát, đưa các lí thuyết văn học tiến dần về phía đại chúng.

2.2. Con đường tiếp nhận và giới thiệu lí thuyết các trường phái phê bình văn học phương Tây của Kiều Thanh Quế

Mặc dù không phải là người đầu tiên đưa lí thuyết văn học phương Tây vào Việt Nam, nhưng Kiều Thanh Quế có đóng góp trong việc giới thiệu một cách hệ thống lí thuyết các trường phái nghiên cứu văn học và cụ thể hóa bằng các dẫn chứng văn học trong và ngoài nước. Khi giới thiệu, Kiều Thanh Quế không nêu lại toàn bộ lí thuyết mà chỉ ra những đặc điểm cơ bản nhất của từng trường phái phê bình. Điều này làm cho các lí thuyết văn học cách chúng ta khá xa về không gian lẫn thời gian đã trở nên giản dị, dễ hiểu, dễ đi sâu vào mọi đối tượng tiếp nhận. Khác với các cây bút cùng thời, chủ yếu công bố các hoạt động nghiên cứu văn học của họ trên báo chí, Kiều Thanh Quế khai sinh ý tưởng nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu của mình bằng những cuốn sách hãn hoi. Điều này làm cho việc giới thiệu các lí thuyết phê bình văn học ở Kiều Thanh Quế có phần hệ thống và tập trung hơn. Trong số các tác phẩm đã xuất bản, *Phê bình văn học* (1942) có lẽ là cuốn sách mà ông tâm huyết nhất dành cho lĩnh vực nghiên cứu về lí thuyết văn học cũng như phê bình. Trong cuốn sách này, Kiều Thanh Quế dành hơn hai phần ba số trang để giới thiệu các trường phái phê bình văn học phương Tây, từ phê bình thi pháp học mô phỏng của Boileau đến phê bình tiểu sử của S. Beuve, phê bình văn hóa – lịch sử của H. Taine và cuối cùng là phê bình xã hội học Marxist. Riêng khuynh hướng phê bình Marxist, ông dành hẳn một thiên để giới thiệu và minh họa bằng việc phê bình tác phẩm của Vũ Trọng Phụng.

Trong công trình *Phê bình văn học*, đầu tiên, Kiều Thanh Quế giới thiệu về trường phái thi pháp học mô phỏng của Boileau. Ở lí thuyết này, ông tập trung vào hai vấn đề chính: một là thi pháp mô phỏng tự nhiên, hai là thi pháp mô phỏng cổ nhân. Kiều Thanh Quế đã dịch những đoạn khóa trong tác phẩm *Art poétique* của Boileau nhằm cung cấp cho độc giả những thông tin cô đọng nhất về lí thuyết của tác giả này. Sau khi dịch các đoạn khóa, ông tổng hợp lại đại ý bằng văn phong của mình. Ông viết lại như sau:

Lí trí, sự thật và tự nhiên, tất cả là một. Và Boileau... đã xếp đặt thành nguyên tắc sự kính trọng phương pháp của tự nhiên. Sự kính trọng phương pháp của tự nhiên tức là sự bất chúc, mô phỏng theo tự nhiên, nó là nguyên tắc của vẻ đẹp thơ ca [...] Đứng trong vòng nghệ thuật chủ trương ở tự nhiên, Boileau còn chủ trương bởi cái lẽ ngưỡng mộ, sự mô phỏng cổ nhân [...] Tóm lại theo Boileau, dùng lí trí mà hiểu tự nhiên cũng chỉ là để đạt tới sự thật trong nghệ thuật mà thôi (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 53-54).

Tiếp đến, ông giới thiệu các trường phái phê bình có liên quan đến tinh thần thực chứng, đó là trường phái phê bình tiểu sử của Sainte Beuve (1804-1869) và trường phái

phê bình văn hóa – lịch sử của Hyppolite Taine (1828-1893). Với S. Beuve, “ông tìm trong công việc văn chương ý nghĩa không phải của cả một xã hội mà của một trạng thái: tất cả những lời phê phán của ông về sách vở đều là những lời phê phán về con người”. “Ông theo bết gót người ấy trong học vấn của y, trong các cuộc xã giao thù tiếp vãng lai của y, trong đời tư y, trong các thăng trầm của số mạng y, các phát triển hay thoái bộ của trạng thái tinh thần y...” Nói tóm lại, S. Beuve chủ trương dựa vào các yếu tố thuộc về cá nhân như tiểu sử, đời tư là những dữ liệu quý giá để tìm hiểu và định giá một tác phẩm văn học. Còn sự quan tâm của H. Taine thì rộng hơn S. Beuve. Nếu S. Beuve chỉ chú trọng yếu tố tiểu sử cá nhân của người sáng tác thì H. Taine chú trọng ở ba thành phần: chủng tộc (race), hoàn cảnh hay thổ địa (milieu) và thời đại (moment). Ông đưa ra ví dụ:

Nền văn học Anh là sản phẩm của chủng tộc Anh Cát Lợi dưới ảnh hưởng của một thổ địa nào, trong những trường hợp lịch sử hay tôn giáo nào. [...] Các bài ngụ ngôn của La Fontaine có thể giải thích bằng tính chất của đất Champagne – quê hương của tác giả bằng cuộc đời của tác giả sống và bằng những tập quán, trí tuệ và tinh thần của xã hội thời bấy giờ (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 57-58).

Để cụ thể hơn, Kiều Thanh Quế dẫn chứng bằng một trường hợp của Việt Nam, đó là phê bình *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Ông đã bác quan điểm của Trần Trọng Kim và Trương Tửu khi lấy thuyết nhà Phật để phê bình *Truyện Kiều*. Nhắc đến Trương Tửu ở đây, Kiều Thanh Quế căn cứ vào một bài phê bình của Trương Tửu đăng *Văn học tạp chí* năm 1935. Và có lẽ *Phê bình văn học* được Kiều Thanh Quế viết trước năm 1942, trước khi Trương Tửu cho ra đời cuốn *Nguyễn Du và Truyện Kiều* cũng trong năm 1942). Kiều Thanh Quế cho rằng, đối với trường hợp của Nguyễn Du, phải lấy thuyết của H. Taine mới có thể lí giải tận gốc vấn đề cũng như giá trị của *Truyện Kiều*. Để chứng minh cho sự khả dụng của lí thuyết này của H. Taine, ông viết:

Là như phê bình cụ Nguyễn Du chẳng hạn, ta phải biết cho rõ ràng, cụ tuy là người quê ở Nghệ Tĩnh (Trung Kỳ) nhưng lại chịu ảnh hưởng thổ địa của xứ Bắc rất lâu. Vì bà thân cụ vốn người miền Bắc. Và cụ cũng có một thời kì cư trú ở xứ Bắc. Thảo nào giọng văn *Truyện Kiều* chẳng hết hai phần ba là giọng văn Bắc. Một giọng văn tuy thiếu vẻ hùng tráng của phương Nam nhưng kín đáo, bóng bẩy, diễm lệ, khiến người đọc dễ cảm. Đó là thuyết thổ địa. Còn thuyết thời đại, ta cũng phải quan thiết đến nếu ta muốn phê bình cụ Nguyễn Du (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 58).

Thời đại của cụ Nguyễn Du là thời Lê Mạt (năm Đinh Tỵ 1787): Vua Lê Chiêu Thống bị giặc Tây Sơn đuổi trốn chạy sang Tàu. Cha, anh của cụ Nguyễn Du đều là cựu thần nhà Lê. Cụ bấy giờ thấy mình có bốn phận lo khôi phục nhà Lê. Nhưng thanh thế của giặc Tây Sơn mỗi ngày một mạnh. Cụ, rút cuộc rồi đành cam làm một dật sĩ, sống ở xóm quê nhà [...].

Vua Gia Long khi tức vị rồi, xuống chỉ triệu các cựu thần nhà Lê ra lục dụng. Cụ Nguyễn Du cũng có mặt trong số các người bị triệu ấy. Vì cụ không chịu nổi mấy lời mai mỉa bọn di thần nhà Lê của thời nhân bấy giờ [...].

Năm Quý Dậu (1813), cụ Nguyễn Du đi sứ sang Tàu, tình cờ đọc được bộ *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm tài nhân, thấy tâm sự nàng Kiều có chỗ giống tâm sự mình bèn dùng lời thơ hoa gấm phỏng dịch bộ tiểu thuyết Tàu kia ra văn Nôm.

(Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 62-64).

Ở chỗ này có thể nói rằng, Kiều Thanh Quế và Trương Tửu đã gặp nhau về tư tưởng. Vì cũng trong năm 1942, Trương Tửu cho xuất bản cuốn *Nguyễn Du và Truyện Kiều*, vận dụng triệt để tinh thần trường phái văn hóa – lịch sử của H. Taine. Tuy nhiên, tác giả cuốn sách này còn đi xa hơn khi vận dụng lí thuyết phân tâm học của Freud để lí giải các vấn đề về cá tính của Nguyễn Du.

Tiếp theo chuỗi lí thuyết phê bình mà Kiều Thanh Quế cho là “phê bình cổ nhân” là lối phê bình của Brunetière. Theo tác giả, đó là lối phê bình của Taine cộng với thuyết “thiên diển” của Darwin. Tác giả cuốn sách cho rằng:

Brunetière có cao vọng chỉ vẽ cho chúng ta về các loại văn chương được coi như các thứ sinh vật chịu luật biến thái. Theo ông thì bất kì loại văn chương nào đều cũng sanh sôi, phát triển, rồi biến thể thành một loại khác, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo thời đại cùng nhiều ảnh hưởng khác. (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 67)

Ta có thể thấy rằng, ở Việt Nam, những nhà phê bình nào am hiểu và chịu ảnh hưởng các lối phê bình ở trên thường có xu hướng tiến dần đến khuynh hướng phê bình xã hội học Marxist sau này, bởi những quan điểm cũng như con đường tiếp cận tác phẩm văn học của nó khá gần nhau. Không nằm ngoài quỹ đạo đó, khuynh hướng phê bình tiếp theo mà Kiều Thanh Quế giới thiệu là phê bình xã hội học Marxist. Đối với trường phái này, tác giả cuốn sách đã dụng công hơn khi dành cả mấy trang để giới thiệu các vấn đề lí thuyết đi từ nguồn gốc sự ra đời của nó. Ông bắt đầu từ việc nêu hoàn cảnh xã hội ở Pháp sau cuộc cách mạng tư sản, những tác động của kinh tế xã hội đến việc hình thành giai cấp mới cho đến nhu cầu về một quan niệm thẩm mỹ mới trong văn học: Dòng văn học phản ánh đời sống hiện thực và phục vụ cho giai cấp vô sản. Từ đó, tác giả bắt đầu liên hệ đến hoàn cảnh xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỉ để minh chứng cho việc cần có một dòng văn học phục vụ cho tầng lớp thợ thuyền tại Việt Nam. Bởi lẽ sau 1940 ở Việt Nam, thực dân Pháp đã cho dân ta thấy rõ bộ mặt thật của một nước thực dân đế quốc. Các trí thức tây học dù có thắm nhuần và phần nào ngưỡng mộ nền văn minh của Tây phương nhưng họ cũng không thể nào lảng tránh một sự thật về hoàn cảnh đất nước mình. Mặc dù chưa từng lên tiếng bày tỏ quan điểm thông qua các cuộc tranh luận văn học, nhưng Kiều Thanh Quế đã cho thấy rõ ý hướng tranh đấu trong cuộc đời thực. Đứng trước hoàn cảnh của xã hội và đất nước, Kiều Thanh Quế cảm thấy rõ hơn bao giờ hết vai trò của văn học lúc này. Ông viết:

[...] Tác phẩm nghệ thuật ngày nay đã hết sở hữu của một nhóm người nhàn rỗi mà sở hữu của tập đoàn, của tất cả mọi người biết công nhận, biết trầm mộ, biết thương thức nó. [...] Còn tác phẩm nào tuyệt tác đến đâu cũng sẽ hết tuyệt tác nếu nó có tánh cách tư hữu. Và một tuyệt phẩm của nhân loại, tự xem nó như một tấm kiếng, muốn rằng tất cả nhân loại phải đến soi hình bóng và tâm hồn ở nó (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 80).

Như vậy, mặc dù đến sau nhưng Kiều Thanh Quế đã tiếp thu khá nhuần nhuyễn tinh thần của chủ nghĩa Marx. Theo ông, những tác phẩm văn học lãng mạn “không những chao động và hỗn độn mà thôi, lại còn nông nổi nữa”. “Nó không đạt được đến tất cả những chỗ sâu thẳm của đại chúng”. “Chính vì thế mà chủ nghĩa xã hội xuất hiện, kêu gọi

đi đến đời sống của nghệ thuật, của vẻ đẹp tất cả nhân loại, bất phân chủng tộc nào, màu da nào. Chính chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên trình bày trước vẻ đẹp thiêng liêng của nghệ thuật một đối tượng mới: người nông dân, kẻ thợ thuyền”. (Kiều Thanh Quế, 1942, tr. 93). Nếu tính từ khi xảy ra cuộc tranh luận nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh diễn ra từ năm 1936-1939, cũng như từ khi Hải Triều viết bài “Phê bình “Lâm than” của Lan Khai” năm 1938, chính thức xác lập lối phê bình Marxist tại Việt Nam thì công việc của Kiều Thanh Quế có vẻ muộn màng. Nhưng cái đóng góp của Kiều Thanh Quế chính là đã đưa lí thuyết của khuynh hướng phê bình này vào đúng hệ thống của nó để giới thiệu với công chúng văn học. Ngày nay khi đã có thời gian nhìn lại, chúng ta phải thấy rằng về mục đích việc làm của Hải Triều và Kiều Thanh Quế là khác nhau. Hải Triều, nhà lí luận Marxist tiên phong, đã mượn môi trường văn học để đưa lí thuyết của chủ nghĩa Marx vào Việt Nam. Nói đúng hơn, Hải Triều thiên về mục tiêu chính trị, còn Kiều Thanh Quế thuần về văn học hơn. Hải Triều mạnh bàn về lí thuyết Marxist chứ không sờ trường về đánh giá văn học nên việc áp dụng lí thuyết Marxist để phê bình “Lâm than” của Lan Khai trong giai đoạn đó cũng còn khá nhiều khiên cưỡng. Trong khi đó, Kiều Thanh Quế nhạy bén ở chỗ chọn Vũ Trọng Phụng làm đối tượng cho phương pháp phê bình này. Mặc dù phê bình tác phẩm Giông tố của Vũ Trọng Phụng, Kiều Thanh Quế chưa đạt đến mức độ nhuần nhuyễn của phương pháp nhưng cũng phần nào cho thấy sự nhạy bén trong cách nhìn nhận của ông về đối tượng văn học trong giai đoạn lúc bấy giờ.

Còn một khuynh hướng phê bình nữa, mặc dù ta không thấy ông giới thiệu trong cuốn *Phê bình văn học* nhưng thông qua những bài phê bình đăng trên báo *Mai* năm 1939, chúng ta cũng thấy được một chút tín hiệu về sự đóng góp của tác giả này: học thuyết về phân tâm học. Phải nhìn nhận rằng, phân tâm học trong giai đoạn này chưa trở thành một phương pháp phê bình mà mới chỉ là một yếu tố được các tác giả vận dụng để lí giải một vài hiện tượng trong tác phẩm, đặc biệt là yếu tố tính dục. Ở Việt Nam, công đầu trong việc giới thiệu và vận dụng lí thuyết phê bình này thuộc về Nguyễn Văn Hanh thông qua cuốn sách *Hồ Xuân Hương – tác phẩm, thân thế và văn tài* (1936), sau đó đến Trương Tửu với *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1942). Khi trên văn đàn xuất hiện nhiều tiểu thuyết xã hội có yếu tố tính dục, như một dấu nhắc, người ta lại nhớ ngay đến lí thuyết của Freud và tìm ở đó một công cụ khả dĩ nhằm giải mã hiện tượng này. Đó là lí do vì sao vấn đề của Freud được đưa vào bàn luận khá nhiều lúc bấy giờ. Kiều Thanh Quế trong bài phê bình của mình đã viết: “Người ta dựa vào học thuyết Freud mà dâm dăng hóa tình dục. Freud thật là đắc tội mà tạo ra một cái thuyết để cho muôn người hiểu sai lạc” (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 39). Phê bình “Làm đĩ”, “Thanh niên S.O.S”, “Người đàn bà trần truồng”, Kiều Thanh Quế cho rằng các nhà văn đã hiểu lệch về lí thuyết của Freud khi đem trút hết tất cả những lí do của hành động “dâm dục” cho yếu tố “ấn ức” – một thành phần trong lí thuyết phân tâm học của Freud. (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 39 -42). Ý kiến này khá hợp lí và đến bây giờ vẫn có nguyên giá trị. Đỗ Lai Thúy trong các bài nghiên cứu sau này cũng cho rằng các nhà văn, nhà phê bình lúc bấy giờ đã tối giản

hóa công thức ẩn ức – dồn nén – thăng hoa của Freud. (Đỗ Lai Thúy, 2011, tr. 174). Phê bình Trương Tửu trong “Thanh niên S.O.S”, Kiều Thanh Quế cho rằng “ngoài việc lấy tình dục cắt nghĩa ái tình, Trương Tửu còn dùng nó “nghiên cứu lịch sử truy lục của một tâm hồn, vạch một con đường đi tới giải quyết vấn đề thanh niên, bày ra một thực trạng xã hội, toát ra một khẩu hiệu tranh đấu” (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 41). Còn đối với hiện tượng Vũ Trọng Phụng, Kiều Thanh Quế hiểu rằng “nhà văn họ Vũ muốn người ta giáo hóa về vấn đề tình dục” cho thanh thiếu niên. Như vậy, trong bài phê bình của mình, Kiều Thanh Quế đã chỉ ra được rằng, trong giai đoạn lúc bấy giờ, tình dục chỉ là một yếu tố trong thể loại xã hội tiểu thuyết, dùng để phản ánh xã hội chứ chưa phải là một phương pháp sáng tác dòng ý thức dựa vào phân tâm học như sau này. Ông đã có những đoạn trích dịch về học thuyết phân tâm để mọi người hiểu rõ hơn về học thuyết này. Ngoài ra, nhằm giới thiệu một cách đầy đủ hơn, ông có hẳn một tác phẩm dịch tựa đề là *Học thuyết Freud* (1943) giới thiệu cặn kẽ các vấn đề chính mà Freud bàn đến trong học thuyết.

Như vậy, có thể nói, bằng một tinh thần cởi mở vốn có, Kiều Thanh Quế đã không tự giới hạn sự tiếp nhận của mình đối với các vấn đề văn học. Ông tiếp thu hầu hết các trường phái phê bình văn học phương Tây thời bấy giờ với mức độ đậm nhạt khác nhau: phê bình tiểu sử, phê bình văn hóa – lịch sử, phê bình ấn tượng, phê bình xã hội học Marxist, nhưng rõ ràng và thường xuyên nhất là trường phái phê bình giáo khoa của Lanson (1857-1934). Cũng như các trí thức tân học lúc bấy giờ, Kiều Thanh Quế hẳn đã tiếp thu trường phái này khi còn ngồi trên ghế nhà trường qua bộ *Lịch sử văn học Pháp* (1894). Phương pháp của Lanson là sự kết hợp từ các phương pháp: phê bình thực chứng của S. Beuve, H. Taine, Brunetière và thi pháp học so sánh. Phương pháp này ngoài việc quan tâm đến những yếu tố bên ngoài tác phẩm thì còn chú trọng đáng kể đến văn bản. Tuy nhiên, Kiều Thanh Quế đã không viết giới thiệu về lí thuyết nghiên cứu của Lanson mà trực tiếp áp dụng vào các công trình biên khảo của mình như *Ba mươi năm văn học* (1941), *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (1943) cùng một số bài phê bình.

Có thể thấy một điều là Kiều Thanh Quế khá cẩn thận trong lối viết khi giới thiệu các trường phái phê bình văn học phương Tây. Dường như ông không có sự thiên vị bất kì trường phái phê bình nào, vì với ông, tất cả các phương pháp đều có chỗ hữu dụng của nó. Ông chỉ làm công việc giới thiệu một cách chính xác và chân thật đặc điểm của từng trường phái nhằm cung cấp cho các độc giả đương thời hiểu đúng về các trường phái phê bình này. Ngay cả trong khi viết phê bình, Kiều Thanh Quế cũng không xác lập tên tuổi của mình ở một trường phái nào. Tùy vào đối tượng phê bình mà ông lựa chọn lối phê bình cho phù hợp. Hoặc cũng có khi ta thấy ông phối hợp hơn một khuynh hướng phê bình trong cùng một bài phê bình. Đó thật sự là một thái độ bình tĩnh, cân nhắc đáng trân trọng của một ngòi bút làm lí luận và phê bình, đặc biệt là trong thời đoạn mà các trường phái phê bình phương Tây đang chứng tỏ sức hấp dẫn đặc biệt của nó.

3. Kết luận

Là một cây bút phê bình văn học trên báo chí, nhưng quan trọng hơn, Kiều Thanh Quế còn là một nhà nghiên cứu lí luận văn học, ông khá cởi mở trong việc tiếp nhận và giới thiệu các trường phái phê bình văn học phương Tây vào Việt Nam. Mặc dù trong tiến trình lí luận và phê bình văn học nửa đầu thế kỉ XX, Kiều Thanh Quế đứng ở giai đoạn sau, nhưng không vì vậy mà ông chủ quan trong nhiệm vụ của mình. Cùng với dịch thuật các sách về tư tưởng như *Thi hào Tagore* (1943), và học thuyết nghiên cứu như *Học thuyết Freud* (1943), Kiều Thanh Quế xem việc giới thiệu các lí thuyết nghiên cứu văn học phương Tây cũng là một động thái “dẫn gió bốn phương vào đô thành văn học Việt Nam” (Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng, 2009, tr. 129). Chính vì vậy mà trong suốt quãng đời cầm bút, ta luôn thấy ở nhà nghiên cứu Nam Bộ này một sự nỗ lực trong việc dịch và giới thiệu các lí thuyết nghiên cứu văn học nước ngoài vào Việt Nam. Song song đó, ông luôn theo dõi sát sao sự vận động của đời sống văn học. Nhờ vậy mà ông luôn bắt kịp sự vận động của văn học, đồng thời thấy được những chỗ cần bổ sung để làm đầy đặn hơn bức tranh nghiên cứu và phê bình văn học nước nhà.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Huệ Chi. (2004). Mục Kiều Thanh Quế. *Từ điển văn học* (Bộ mới), Hà Nội: NXB Thế giới, 747-749.
- Trịnh Bá Đĩnh và Nguyễn Hữu Sơn. (1999). *Tạp chí Tri Tân – Phê bình văn học*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Văn Hanh. (1936). *Hồ Xuân Hương, tác phẩm, thân thế và văn tài*. Sài Gòn: NXB Aspar Saigon.
- Nguyễn Mẫn. (2011). *Ấn tượng văn chương phương Nam*. Hà Nội: NXB Thanh niên.
- Phạm Thế Ngũ. (1965). *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*. Sài Gòn: NXB Quốc học Tùng thư.
- Tô Kiều Phương. (1943). *Học thuyết Freud*. Hà Nội: NXB Tân Việt.
- Kiều Thanh Quế. (1942). *Phê bình văn học*. Hà Nội: NXB Tân Việt.
- Nguyễn Hữu Sơn và Phan Mạnh Hùng (Biên soạn). (2009). *Kiều Thanh Quế - Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam – tuyển tập khảo cứu, phê bình*. Hà Nội: NXB Thanh Niên.
- Đỗ Lai Thúy. (2011). *Phê bình văn học, con vật lưỡng thể ấy*. TP Hồ Chí Minh: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Văn Trung. (1968). *Lược khảo văn học, tập 3: Nghiên cứu và phê bình văn học*. Sài Gòn: NXB Nam Sơn.